Quan điểm của Nguyễn Đình Chiểu đối với Phật giáo

ISSN: 2734-9195 14:55 19/06/2026

Trên tinh thần dân tộc, Nguyễn Đình Chiểu đã tiếp thu và phát triển các giá trị đạo đức trong Nho giáo, đồng thời thể hiện sự tôn trọng đối với Phật giáo trong các tác phẩm của mình.

Giới thiệu chung

Trong thơ văn của các nhà Nho mười thế kỷ thời trung đại, có thể thấy các vị chịu ảnh hưởng sâu đậm của ba hệ tư tưởng của phương Đông bấy giờ là **Nho - Phật - Lão**. Và cho dù các vị được đào luyện trong cửa Khổng sân Trình, nhưng trong tư tưởng và quan điểm của các vị không chỉ thuần túy là Nho giáo, mà các vị còn học tập, nghiên cứu và ít nhiều chịu ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo, Lão - Trang và cửu lưu (chín trường phái tư tưởng triết học ở Trung Quốc thời cổ đại), cùng văn hóa dân gian bản địa, Cụ Đồ Chiểu cũng không ngoại lệ.

Ở cụ Đồ, ngoài tư tưởng Nho giáo đã được học tập, cụ ít nhiều còn chịu ảnh hưởng tư tưởng Phật và Lão - Trang cùng văn hóa dân gian. Trước đây, có vài ba bài viết đã khẳng định cụ Đồ có chống đối, bài xích Phật giáo, nhất là trong tác phẩm *Dương Từ Hà Mậu*[1]. Sự thật có đúng như thế không?

Bài viết tìm hiểu về cái nhìn/quan điểm của danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu về Phật giáo được thể hiện trong ba tác phẩm nổi tiếng: *Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu, Ngư tiều y thuật vấn đáp*.



(Ảnh: Internet)

Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) là một nhà Nho tuy đỗ đạt không cao nhưng cụ là một nhà Nho đức nghiệp, một con người trong ba tư cách: một nhà thơ, một thầy giáo và một thầy thuốc suốt đời vì dân vì nước. Một nhà thơ đạo lý tỏa sáng đồng thời là ngọn cờ đầu của dòng văn học yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược hồi nửa cuối thế kỷ XIX; Một thầy giáo mẫu mực với lý tưởng nhân nghĩa, đào tạo những con người trung hiếu tiết nghĩa vẹn tròn; Một thầy thuốc ngời sáng coi trọng y đức. Văn nghiệp của cụ có thể chia thành hai giai đoạn sáng tác, lấy cái mốc là trước và sau khi Pháp xâm lược nước ta (1858) với sự chuyển hướng về tư tưởng nghệ thuật trong tác phẩm của cụ. Ở đây chỉ tập trung tìm hiểu về quan điểm của cụ đối với Phật giáo mà thôi.

Quan điểm về Phật giáo trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*

Lục Vân Tiên là tác phẩm được cụ Đồ viết trước khi Pháp xâm lược (1858). Tác phẩm chở đạo, ca ngợi đạo lý, cụ thể là trung hiếu tiết nghĩa, những phẩm cách mà con người cần có theo lý tưởng của **Nho giáo**. Riêng về Phật giáo, cụ nhìn Phật giáo theo nhận thức chung của dân gian, rất gần gũi với quan niệm của dân gian: nhân quả báo ứng, nhân nào quả nấy, ở hiền gặp lành, gieo gió gặt bão, được thể hiện rất rõ nét trong tác phẩm. Những người hiền lương như Vân Tiên, Nguyệt Nga, Tiểu đồng, Vương Tử Trực, Hớn Minh dù gặp nhiều tai ách, nhưng cuối cùng được bình yên, sống hạnh phúc. Trong khi đó những người như vợ chồng Võ công tráo trở lật lọng thì sinh bệnh mà chết sớm (bất đắc kỳ tử); mẹ con Võ Thể Loan thì bị cọp tha bỏ vào hang đá bịt bùng mà trước đây Võ công đã lừa bỏ Vân Tiên vào đó. Trịnh Hâm, Bùi Kiệm thì bị quả báo, chết thảm.

Quan điểm này được thể hiện ở nhiều nhân vật trong truyện, nhưng tập trung rõ nhất là ở hai nhân vật Kiều Nguyệt Nga và Lục Vân Tiên.

Chẳng hạn, Kiều Nguyệt Nga là người lương thiện, thảo ngay, chung thủy nên được **Phật Bà Quan Âm** phù hộ độ trì, nhiều lần được tai qua nạn khỏi. Trong tâm thức của người Việt xưa nay, đức Phật Bà Quan Âm là biểu tượng cho tình thương yêu mênh mông bao la như biển cả, như tấm lòng bao dung của người mẹ hiền đối với con cái. Phật Bà luôn lắng nghe những âm thanh để cứu độ những người thiện lương thoát khỏi những kiếp nạn tai ách. Mỗi khi bị nạn, người ta thường niệm danh xưng của Phật Bà để cầu nguyện. Câu niệm "Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn linh cảm ứng Quán Thế Âm Bồ tát" mà những người theo Phật hay xưng tụng đã nói rõ điều vừa nêu.

Lần thứ nhất lúc nàng bị triều đình bắt đi cống sang nước Ô Qua, đến biên ải (ải Đồng) nàng đã gieo mình tự vẫn: *"Nguyệt Nga nhảy xuống giữa vời,/Sóng thần đưa đẩy vào nơi bãi rày./Bóng trăng vừa khuất ngọn cây,/ Nguyệt Nga hồn hãy chơi rày âm cung."*[2]. Liền ngay sau đó, Phật Bà Quan Âm ứng hiện cứu giúp đưa nàng vào vườn hoa của nhà Bùi công: *"Quan Âm thương đứng thảo ngay,/Bèn đem nàng lại bỏ rày vườn hoa./Dặn rằng: Nàng hỡi Nguyệt Nga,/Tìm nơi nương náu cho qua tháng ngày./Đôi ba năm nữa gần đây,/Vợ chồng sao cũng sum vầy một nơi."*[3]

Lần thứ hai, khi tá túc tại nhà Bùi công, nàng bị cha con nhà này ép duyên lấy Bùi Kiệm, nàng tìm cách lần lữa để tính kế thoái thác, rồi lúc canh ba nửa đêm, nàng trốn khỏi nhà Bùi công. Trên đường lẩn trốn trong cảnh *"Hai bên bờ bụi rậm rì,/Đêm khuya vắng vẻ gặp khi trăng lờ./Lạ chừng đường sá bơ vơ,/Có bầy*

đom đóm sáng nhờ đi theo.”[4]. Nàng đi đến lúc rạng đông, đang ngồi nghỉ chân thì gặp một bà lão theo lời Phật Quan Âm chỉ dẫn để đến giúp đỡ nàng, đưa nàng về nhà lão ở Ô Sào: *“Nguyệt Nga đi đặng hồi lâu,/Tìm nơi bàn thạch ngỏ hầu nghỉ chưn./Người ngay Trời Phật cũng vưng,/Lão bà chống gậy trong rừng bước ra./Hỏi rằng: Nàng phải Nguyệt Nga,/Khá tua gắng gượng về nhà cùng ta./Khi khuya nằm thấy Phật Bà,/Người đà mách bảo nên già tới đây./Nguyệt Nga bán tín bán nghi,/Đành liều nhắm mắt theo đi về nhà./Bước vào thấy những đàn bà,/ Làm nghề bô vãi lụa là mà thôi./Nguyệt Nga đành dạ ở rồi,/Từ đây mới biết nổi trôi chốn nào./Hỏi thăm ra chốn Ô Sào,/Quan san mấy dặm đi vào tới nơi.”*[5]

Lần thứ ba, lúc trước, Phật Bà Quan Âm đã báo mộng cho Nguyệt Nga, giờ đây đã thành hiện thực. Vân Tiên và Nguyệt Nga hội ngộ tại nhà bà lão. Lúc này, Vân Tiên truy đuổi tướng giặc Cốt Đột rồi giết hắn, sau đó chàng bị lạc, tình cờ vào nhà bà lão để hỏi đường, nhờ vậy mới gặp lại Nguyệt Nga, y như Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau trong đêm thất tịch mùng bảy tháng bảy hàng năm nhờ bầy quạ bắt cầu ô thước: *“Đoạn này tới thứ Nguyệt Nga, / Ở đây tính đã hơn ba năm rồi./ Đêm khuya chong ngọn đèn ngồi, / Chẳng hay trong dạ bồi hồi việc chi? / Quan Âm thuở trước nói chi, / Éo le phỉnh thiếp lòng ghi nhớ hoài. / Đã đành đá nát vàng phơi, / Đã đành xuống chốn dạ đài gặp nhau. / Khôn trông mồng bảy đêm thu, / Khôn trông bầy quạ đội cầu đưa sao. / Phải chi hỏi đặng Nam Tào, / Đêm nay cho đến đêm nào gặp nhau. / Nguyệt Nga gợn giải cơn sầu, / Xảy nghe lạc ngựa ở đâu tới nhà. / Kêu rằng: Ai ở trong nhà, / Đường về quan ải chỉ ra cho cùng. / Nguyệt Nga ngồi sợ hãi hùng, / Vân Tiên xuống ngựa thẳng xông bước vào. / Lão bà lật đật hỏi chào: / “Ở đâu mà tới rừng cao một mình?” / Vân Tiên mới nói sự tình: / “Tôi là quốc trạng triều đình sai ra. / Đem binh dẹp giặc Ô Qua, / Lạc đường đến hỏi thăm nhà bà đây.” / Lão bà nghe nói sợ thay: / “Xin ông chớ chấp tôi nay mụ già.” / Vân Tiên ngồi nhắm Nguyệt Nga, / Lại xem bức tượng lòng đà sinh nghi. / Hỏi rằng: “Bức ấy tượng chi. / Khen ai khéo vẽ dung nghi giống mình. / Đầu đuôi chưa rõ sự tình. / Lão bà khá nói tánh danh cho tường.” / Lão bà chẳng dám lời gian: / “Tượng này vốn thiệt chồng nàng ngồi đây.” / Tiên rằng: “Nàng xích lại đây, / Nói trong tên họ tượng này ta nghe.”/ Nguyệt Nga lòng rất kiêng dè, / Mặt thời giống mặt, còn e lạ người. / Ngồi che tay áo hổ ngươi, / Vân Tiên thấy vậy mỉm cười một khi. / Rằng: “Sao nàng chẳng nói đi, / Hay là ta hỏi động chi chăng là?” / Nguyệt Nga khép nép thưa qua:/ “Người trong bức tượng tên là Vân Tiên. / Chàng đà về chốn cửu tuyền, / Thiếp lăm trọn đạo lánh miền gió trăng.” / Vân Tiên nghe nói hỏi phăn: / “Chồng là tên ấy, vợ rằng tên chi?” / Nàng bèn tỏ thiệt một khi, / Vân Tiên vội vã xuống quỳ vòng tay. / Thưa rằng: “May gặp nàng đây, / Xin đền ba lạy sẽ bày nguồn cơn. / Để lời thệ hải minh sơn, / Mang ơn trước phải đền ơn cho rồi. /*

Vân Tiên vốn thiệt là tôi, / Gặp nhau đây đã phỉ rồi ước mơ. / Nguyệt Nga bảng lảng bơ lơ, / Nửa tin rằng bạn nửa ngờ rằng ai. / Thưa rằng: "Đã thiệt tên ngài, / Khúc nôi xin cứ đầu bài phân qua". / Vân Tiên dẫn tích xưa ra, / Nguyệt Nga khi ấy khóc òa như mưa. / Ân tình càng kể càng ưa, / Mảng còn bịn rịn trời vừa sáng ngay"[6]. Trong khi đó, Hớn Minh dẫn quân đi tìm và gặp Vân Tiên, được biết sự tình, Hớn Minh đề nghị Vân Tiên cho mình ra mắt chị dâu. Sau đó, cả hai hồi triều, sau khi Nguyệt Nga đề nghị Vân Tiên về triều tâu sự tình lên nhà vua; còn Vân Tiên thì dặn dò Nguyệt Nga ở lại ít ngày, sau khi tấu trình lên nhà vua xá tội thì sẽ rước nàng về.

Còn với nhân vật Lục Vân Tiên thì thông qua cuộc đời, số phận của chàng, người đọc sẽ thấy rất rõ tư tưởng nhân quả, ở hiền gặp lành này. Có thể tóm lược như sau: **Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga (câu 1-286)**: Vân Tiên là một nho sinh, chàng từ giã thầy lên kinh ứng thí (câu 1-90). Trên đường đi, chàng gặp bọn cướp núi cướp của bắt người, chàng ra tay nghĩa hiệp đánh tan bọn cướp, giải cứu hai cô trò Nguyệt Nga. Nguyệt Nga nguyền gá nghĩa trăm năm để tạ lòng chàng (câu 91-286). **2. Vân Tiên bị tai nạn và được cứu giúp (câu 287-1264)**: Vân Tiên ghé về thăm nhà (câu 287-330). Vân Tiên thăm gia đình Võ Công, người đã đính ước gả Võ Thể Loan cho chàng (câu 331-418). Trên đường lên kinh, Vân Tiên kết bạn với Vương Tử Trực, gặp ông Quán nghe ông nói về lẽ ghét thương, và gặp Bùi Kiệm, Trịnh Hâm (câu 419-546). Đến kinh, chưa kịp thi thì Vân Tiên được tin mẹ mất, chàng cùng tiểu đồng trở về nhà, trên đường về chàng mang bệnh bị mù mắt vì khóc thương mẹ (câu 547-652). Tiểu đồng hết lòng chạy chữa thuốc thang cho thầy, nhưng bị lừa, tiền mất bệnh còn (câu 653-844). Tiểu đồng bị Trịnh Hâm lừa trói vào rừng, được 'sơn quân' cứu, tưởng Vân Tiên đã chết, nguyện trọn bề 'che chòi giữ mả' (câu 845-930). Vân Tiên bị Trịnh Hâm hãm hại đẩy xuống sông, được giao long và vợ chồng ông chài cứu sống (câu 931-1000). Vân Tiên bị cha con Võ Thể Loan bội ước, đem bỏ vào hang Thương tòng, được 'du thần' và ông Tiều cứu (câu 1001-1118). Vân Tiên gặp lại Hớn Minh (câu 1119-1196). Võ công bị Vương Tử Trực mắng nhiếc, xấu hổ sinh bệnh rồi chết (câu 1197-1264). **3. Nguyệt Nga bị cống Hồ, quyết một lòng chung thủy với Vân Tiên (câu 1265-1664)**: Nguyệt Nga quyết giữ tiết trọn đời với Vân Tiên (câu 1265-1360). Nguyệt Nga bị triều đình bắt đi cống giặc Ô Qua, đến biên ải nàng nhảy xuống sông tự tử, được Phật Quan Âm cứu đưa vào vườn hoa nhà Bùi công (câu 1361-1532). Nguyệt Nga bị Bùi Kiệm ép duyên, trốn khỏi nhà Bùi công, được Phật Quan Âm báo mộng, bà lão trong rừng đến đưa nàng về ở với bà (câu 1533-1664). **4. Vân Tiên và Nguyệt Nga trùng phùng, nên nghĩa vợ chồng (câu 1665-2082)**: Vân Tiên được thuốc tiên mắt lại sáng ra, về thăm nhà, đi thi đỗ Trạng nguyên, đánh tan giặc Ô Qua, bị lạc vào rừng (câu 1665-1806). Vân Tiên gặp Nguyệt Nga tại nhà bà lão trong

rừng, trở về triều báo công, gặp lại tiểu đồng, tạ ơn ông Ngư, ông Tiều, kẻ gian ác bị đền tội (câu 1807-2074). Vân Tiên cưới Nguyệt Nga, sống ấm êm hạnh phúc đời đời (câu 2075-2082).

Qua lược thuật, có thể thấy Vân Tiên là người trung hiếu nhân nghĩa thiện lương vẹn toàn. Những người hội đủ những phẩm cách này theo quan niệm của dân gian là những người luôn được quý nhân phù trợ. Chính vì thế mà qua bao lần bị nạn: bị bệnh mù mắt, bị gia đình Võ công bội ước, bị bắt bỏ vào hang, bị Trịnh Hâm đẩy xuống sông..., nhưng cuối cùng Vân Tiên đã vượt qua tất cả là nhờ cái đức độ, hiền lương của chàng. Nhân vật Vân Tiên là hiện thân và cũng là ước mơ lý tưởng của cụ Đồ. Những người ăn ở thiện lương sẽ được Phật Trời phù hộ độ trì, trái lại những người sống bạc ác, tráo trở lật lọng sẽ bị quả báo. Đây là quan niệm của dân gian về quả báo nhãn tiền, đồng thời cũng là quan niệm của Phật giáo về nhân quả nghiệp báo. Vân Tiên đã được du thần, được giao long, được ông Ngư, ông Tiều cứu giúp, được thuốc tiên chữa bệnh làm cho mắt sáng trở lại, rồi đi thi đỗ Trạng, đánh giặc cứu nước, gặp lại Nguyệt Nga, được triều đình ban thưởng, cuối cùng được sống ấm êm hạnh phúc trọn đời "Sinh con sau nối gót lân đời đời" (câu 2082). Còn những người bạc ác, bất lương như gia đình Võ công, Bùi Kiệm, Trịnh Hâm thì bị quả báo. Đây là chuyện nhân quả báo ứng. Dân gian còn cho rằng lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà khó lọt, cũng xuất phát từ quan niệm trên.

Có thể thấy quan điểm của cụ Đồ Chiểu về Phật giáo trong truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* là bắt nguồn từ văn hóa dân gian có sự kết hợp với quan niệm nhân quả nghiệp báo của nhà Phật theo nhận thức của người bình dân.

Quan điểm về Phật giáo trong tác phẩm *Dương Từ Hà Mậu*

Tác phẩm được viết trước khi Pháp xâm lược (khoảng năm 1851) và hoàn chỉnh sau khi Pháp chiếm đóng Nam kỳ (từ sau năm 1862 trở đi). Theo nhà giáo Nguyễn Văn Nghĩa kể lại thì tác phẩm này được cụ Đồ đọc cho ông Nhiêu Cơ chép lại: *Khi cụ Đồ Chiểu ở lại Tân Thuận Đông, tổng Duy Hoà Hạ trong hai, ba năm ở nhà ông Nhiêu Lê Quang Hạ, kêu là Nhiêu Cơ. Ở đấy, muốn vui lòng ông bạn, lên tiếng bênh vực đạo Nho, cụ Đồ Chiểu đọc quyển Dương Từ - Hà Mậu cho ông Nhiêu Cơ chép"*[7].

Cũng như truyện thơ *Lục Vân Tiên*, truyện thơ *Dương Từ - Hà Mậu* là tác phẩm được cụ Đồ viết ra nhằm mục đích chuyên chở và quãng bá đạo lý, theo quan niệm 'văn dĩ tải đạo'. Với cụ Đồ, cái Đạo ở đây không chỉ là đạo lý của Nho gia được ghi chép trong thánh kinh hiền truyện, mà còn là đạo lý của nhân dân Việt

Nam. Truyện đề cao Nho giáo và cho rằng đạo Tiên nằm trong và thuộc về đạo Nho, kịch liệt bài xích Công giáo, ít nhiều có nhắc Phật giáo. Đó là cái nhìn của một nhà Nho đứng trên quan điểm lập trường dân tộc, cụ đã xem Công giáo, Phật giáo là ngoại đạo, là dị đoan (khác mối) bởi ngoại nhập, nhất là trong tâm thức của cha ông ta lúc bấy giờ đã nhận thức rằng Pháp đã dùng các giáo sĩ sang truyền đạo để nắm tình hình, sau đó mang quân đi xâm lược nước ta, nên cụ mới công kích, phê phán Ki tô giáo (đạo đi trước, nhà nước theo sau), tiện thể nhắc đến Phật giáo. Nhưng sự công kích bài xích này đối với nhà Phật, cụ Đồ không hề phê phán tư tưởng giáo lý Phật Đà, mà cụ chỉ tập trung phê phán bài xích đội ngũ sư sãi không nghiêm cẩn gìn giữ giới luật, làm những việc trái với đạo lý nơi chốn thiền môn. Như vậy trong tác phẩm, cụ Đồ không phê phán giáo lý tư tưởng Phật giáo mà chỉ phê phán Tăng đoàn. Theo tôi đây cũng là một sự phê phán tích cực, nhằm bảo vệ chánh pháp. Và chắc chắn rằng, với những bậc chân tu phạm hạnh, sẽ rất đồng tình và ủng hộ sự phê phán này của cụ.

Có thể tóm lược câu chuyện như sau: Tác phẩm dài câu 3456 câu[8] (theo văn bản của Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sĩ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải), được chia làm 4 đoạn:

Dương Từ, Hà Mậu hoài nghi về đạo mà đi cầu mối đạo (câu 1-896): Hà Mậu theo đạo cầu Chúa cho có con, vợ nghi bị quỷ thai, bèn theo danh y Châu Kỷ đến Tùng Lãnh cầu thuốc tiên của đạo sĩ Lý Tri Niên. Nam Tào, Bắc Đẩu cho biết vợ Hà Mậu ốm nghén, sau sẽ sinh hai gái là Tuyết, Băng, và khuyên Châu, Hà đừng lầm đường theo đạo Gia Tô. Hà Mậu về nhà thì vợ đã sinh hai gái, thấy việc linh thiêng muốn tìm hiểu Tiên đạo. Dương Từ theo đạo Phật, vợ chồng ra sức khấn vái, bố thí cầu con, sau vợ là Đỗ thị sinh được hai trai là Dương Trân, Dương Bửu. Cảm ơn Phật tế độ, Dương Từ xuất gia đầu Phật ở Phù đồ sa, lấy hiệu là Thiện Trai. Vợ con ở nhà sống nheo nhóc. Trưởng tộc đặt tên cho con Hà Mậu là Xuân Tuyết, Thu Băng. Hà Mậu trở về, hoài nghi về đạo Thiên chúa, quyết cầu Tiên đạo. Hà Mậu gặp Lý Tri Niên, được Lý đưa gặp sư phụ là Lão Nhan Tử Thất tại chùa Linh Diệu. Dương Từ chán cảnh am vắng, xin đi vân du. Hà Mậu đi đến đâu cũng bị người đời chỉ trích bọn sư sãi trốn nhiệm vụ, ươn hèn, lợi dụng nhà chùa để làm xằng, đồng thời nêu gương cách mạng của nhân dân, tinh thần trung kiên, quyết vì đời mà dẹp tan những bất công phi nhân phi nghĩa và biết giữ mình trong sạch, không để thời thế khuất anh hùng, không để đời lợi dụng, lánh cõi đời ô trọc, nhưng vẫn theo đời để chờ phen giúp đời, lấy hành động của mình mà cải tạo đời cho đời ngày một tốt đẹp hơn. Sau cùng Dương Từ đến chùa Linh Diệu.

Dương Từ, Hà Mậu được Lão Nhan Tử Thất nói cho rõ lẽ chánh tà của tôn giáo (câu 907-2266): Lão Nhan Tử Thất dùng phép cho hai người lên Thiên đường và xuống địa ngục. Tại đây, Dương Từ, Hà Mậu không thấy ai cùng đạo với mình được lên Thiên đường. Hai người chỉ thấy Khổng Tử cùng các đại biểu đi dự hội. Tại địa ngục, Dương Từ gặp đủ các hạng người bất chính, lừa đảo nhân dân bị trừng phạt, nào là thầy pháp, thầy địa lý, bọn cho vay nặng lãi, bọn thơ lại ở cửa quan, bọn loạn luân, dâm bôn, trộm cướp, bọn thầy thuốc cùng các bà đỡ bất lương. Dương Từ, Hà Mậu được Lão Nhan Tử Thất giảng giải lẽ nguy hại, tà vạy của Công giáo và Phật giáo, khuyên hai người trở về chánh đạo, thực thi đạo lý trong đời sống. Dương Từ, Hà Mậu nghe ra, quyết tâm đi theo Nho đạo.

Gia đình Dương Từ, Hà Mậu được những người chánh đạo giúp đỡ. Con cái của họ trở nên trai tài gái tốt (câu 2267-3194): Xuân Tuyết, Thu Băng quyết không theo đạo Thiên chúa, bỏ nhà đi tìm cha. Tần Khanh phụng mệnh Tấn vương đi giúp dân miền Dự Châu bị mất mùa, tình cờ gặp Xuân Tuyết, Thu Băng rồi nhận hai trẻ làm con nuôi. Tần Khanh nhậm chức Tổng trấn Hà Đông. Gia đình Dương Từ sa sút, được Đỗ Khoái là em vợ bao bọc. Dương Trân, Dương Bửu được Trình Kiệt dạy dỗ. Dương Trân, Dương Bửu đi tìm cha, không gặp, trở về tiếp tục học tập. Dương Trân, Dương Bửu đi thi, kỳ thi bị hoãn, buồn rầu trở về, đề thơ sen nở muộn ở cổ miếu để giải bày tâm sự cùng cảnh ngộ. Tần Khanh dẹp yên giặc Tây Châu trở về, thấy thơ Trân, Bửu ở cổ miếu, Tần Khanh truyền cho quan huyện Trần Doan đứng ra làm mai cho Trân, Bửu kết duyên cùng Xuân Tuyết, Thu Băng. Nhà vua mở khoa thi, Dương Trân đỗ Bảng nhãn, Dương Bửu đỗ Thám hoa. Hai người vinh quy bái tổ, làm văn tế cha.

Dương, Hà hai họ kết tình thông gia. Dương Từ, Hà Mậu cùng các tín đồ Công giáo, Phật giáo trở về vơi chính đạo (câu 3195-3456): Dương Từ, Hà Mậu trở về quê cũ. Lão Nhan Tử Thất báo cho hai họ biết hai họ sẽ kết tình thông gia, lo giữ gìn nhân luân. Dương Từ trở về nhà cho con uống thuốc tiên khỏi bệnh. Hà Mậu trở về nhà, vợ chết, con gái làm con nuôi Tần Khanh. Hà Mậu khuyên con cháu từ bỏ đạo Thiên chúa. Dương Từ, Hà Mậu được nhà vua vời vào triều hỏi việc. Tấn Vương ban dụ cấm đạo Thiên chúa, đạo Phật, truyền lệnh cho Tần Khanh đứng ra lo việc chủ hôn cho hai họ Dương, Hà. Hai họ Dương, Hà kết tình thông gia. Các tín đồ Công giáo, Phật giáo thấy báo ứng cha lành con thảo, cùng nhau bàn luận, tự nguyện bỏ dị đoan theo đường nhân nghĩa.

Việc các nhân vật chính và các tín đồ tự nguyện từ bỏ dị đoan theo đường nhân nghĩa thể hiện quan điểm lập trường của tác giả là đề cao Nho giáo rõ nét. Với đạo Tiên, tức Đạo giáo như hiện nay thường gọi, thì theo cụ Đồ, Nho và Tiên tuy hai mà một, cả hai bổ túc cho nhau. Trong truyện thơ, qua phát ngôn của Lão

Nhan Tử Thất khi trả lời câu hỏi của Dương Từ, Hà Mậu về đạo Nho và đạo Tiên, cụ Đồ cho rằng đạo Tiên thuộc đạo Nho, nằm trong đạo Nho, dù mỗi đạo có nhiệm vụ riêng nhưng bổ túc cho nhau: *"Tôn sư thong thả đáp rằng:/ Đạo Tiên cũng ở trong lòng đạo Nho. / Đạo Tiên theo việc nhàn du, / Dạo chơi non nước trầm phù công danh. / Đạo Nho lo việc kinh doanh, / Giúp trong nhà nước cho minh cương thường. / Tiên xưa ở chốn thơ đường, / Một câu Nho giáo lòng hằng chẳng quên. / Muốn theo Tiên đạo cho bền, / Phải tìm Nho đạo mới nên đặng mình"*[9].

Với đạo Chúa, dưới cái nhìn của cụ Đồ Chiểu hồi ấy, bất cứ cái gì gắn với Tây dương là cụ căm ghét đến tận cùng. Nếu trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (*Văn tế sĩ dân Cần Giuộc*), cụ viết: *"Sống làm chi theo quân tả đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn; Sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ. Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh; Hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ"* được đa số nhân dân đồng tình, thì trong sinh hoạt thường nhật của cụ, bà con thường kể lại rằng cụ rất ghét Tây, không dùng xà phòng của Tây, không đi trên con đường của Tây làm, v.v.. dù xét đến cùng, quan điểm này có vẻ cực đoan. Cho nên trong tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*, cụ công kích Thiên chúa giáo (Ky tô giáo / Công giáo) rất kịch liệt, gay gắt cũng là lẽ đương nhiên. Cụ cho rằng, nước ta vốn đã nhiều mê tín, dị đoan nay lại còn thêm các tôn giáo ở phương Tây du nhập vào nữa: *"Dị đoan xưa đã bời bời / Lại thêm đạo Phật, đạo Trời lăng nhăng / Thói đời nhiều việc băng xăng / Đố ai biết đặng đạo hằng quy ta / Đua chen kính chuộng đạo tà / Một câu quả báo, muôn nhà đều tu".* Cho nên khi triều đình ra lệnh cấm đạo thì cụ đồng tình ủng hộ: *"Tấn vương dụ xuống khắp kinh / Cấm theo đạo Phật, đạo Trời chẳng nên / Từ đấy trăm họ đều truyền / Bao nhiêu tả đạo đều truyền đốt kinh".* Rồi cụ Đồ nêu câu hỏi: Sao đạo của dân tộc mình không theo mà lại theo đạo ngoại để mồ mả cha ông hoang tàn: *"Cớ sao mình ở nước trung / Lòng theo nước ngoại còn mong đợi gì / Ông bà mồ mả bỏ đi / Gốc mình chẳng kính, lại vì gốc ai? / Cửa nhà làng xóm cách già / Phận gần chẳng đoái, đoái hoài phận xa".* Mà kết cục không phải như đã truyền tụng là đi tu để được lên Niết bàn, lên Thiên đàng. Khi Dương Từ, Hà Mậu được cho lên chiêm ngưỡng cảnh Tiên bồng thượng giới đã ngạc nhiên không thấy bóng vị Hòa thượng hay người Hòa Lan nào ở đấy: *"Rằng: đi năm cửa Thiên đàng / Cớ chi không thấy Hòa Lan người nào? / Cũng không Phật Tổ ra vào? / Hay là còn ở nơi nào nữa chăng?"* [10]. Hóa ra cũng chỉ là lừa gạt dân chúng mà thôi.

Với đạo Phật, trong tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*, cụ Đồ đã có những câu thơ bộc lộ quan điểm của mình như sau:

Trong *Dương Từ - Hà Mậu* phần thứ 11, cụ Nguyễn Đình Chiểu viết: *"Ta nghe Phật ở Tây phương/ Vốn người mọi rợ luân thường chẳng ưa" [11]* và *"Trên vua dưới đến dân thôn/ Đua nhau kỉnh trọng một môn phù đồ/ Quỳ hương chẩn tế nam mô/ Tới lui tăng đạo ra vô Phật đường/ Bao nhiêu theo đạo Tây phương/ Phước lành chưa thấy tai ương tới mình/ Trên thời nghiêng nước nghiêng thành/ Dưới thời nhà cửa tan tành xiết bao/ Phật linh mấy cứu ai nào/ Người nay sao hãy lòn vào Thích gia?"* [12].

Xin được khẳng định chỗ này là cụ Nguyễn Đình Chiểu đã nhầm, nhầm đến hai chi tiết. Nguồn gốc đạo Phật ở bắc Ấn Độ thuộc châu Á (Đông phương) chứ không phải ở Tây phương. Và Đức Cồ đàm Tất Đạt Đa (Gautama Siddhattha) sinh năm 564 trước Công nguyên là Thái tử, con vua Tịnh Phạn (Shuddhodana) đang cai trị vương triều ở thành Ca-Tỳ-La-Vệ. Như vậy, Đức Phật xuất thân từ dòng dõi vua chúa (sát-đế-lị / sakya), chứ không phải "vốn người mọi rợ" hay "vốn người kẻ chợ". Có sự nhầm lẫn này có thể là vì trước đó cụ Đồ đã đả kích Công giáo nặng lời bởi đây là tôn giáo ngoại nhập, khác với chính thống, mà hồi ấy các nhà nho gọi là "dị đoan" (khác giềng mối), để đến đây, theo mạch lô gic, tác giả tiếp tục viết về đạo Phật như trên đã trích dẫn, bởi đạo Phật cũng là tôn giáo ngoại nhập.

Phần thứ 17 trong *Dương Từ - Hà Mậu* tác giả đã phê phán các nhà sư: *"Kể từ sống ở dương gian/ Sợ xâu trốn thuế tìm đàng đi tu/ Vô chùa làm chước cạo đầu/ Trốn vua theo Phật trông cầu rảnh tay"* và *" Miệng thời niệm chữ nam mô/ Mắt xem gắm ghé mấy cô đi chùa/ Áo cơm khỏi tốn tiền mua/ No lòng ấm cật lại đua thói xằng/ Tham câu sắc dục ai bằng/ Lòng lang dạ cáo lăng nhăng trọn đời/ Khi buồn cô vãi đỡ chơi/ Khi vui vợ khách cũng nơi thanh lầu/ Chẳng trừ thịt chó, thịt trâu/ Trối thây giới cấm mặc dầu no say/ Ngoài am giả chước ăn chay/ Trong liêu rượu thịt ngày ngày liền xơi"* [13]. Việc phê phán này là có căn cứ từ thực tế đời sống, không chỉ đến cuối thế kỷ XIX thời cụ Đồ sống mới diễn ra, mà đã có ngay từ thời Lý - Trần, lúc đạo Phật nước nhà đang phát triển cực thịnh. Do Nhà nước coi trọng đạo Phật, vua chúa quý tộc tin theo Phật, cúng dường nhiều ruộng đất, vàng bạc; sư sãi thì được đặc ân không phải đóng thuế hay sưu dịch và cũng được miễn đi lính, chính vì thế bấy giờ có rất nhiều người lười biếng, nên vào chùa cạo đầu khoác áo cà sa, không làm mà vẫn có cái ăn nơi ở. Do xuất phát từ mục đích vào chùa không chân chính nên số sư sãi này không tuân thủ giới luật, làm những điều xằng bậy. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, kỷ nhà Trần có chép lúc này "hơn nửa dân số là sư sãi", do Tăng đoàn đông đúc nên tệ nạn lộn xộn xảy ra là lẽ đương nhiên. Xưa cũng thế mà nay cũng vậy. Từ đó các nhà nho mới có phong trào bài Phật, mà văn bia của Đàm Dĩ Mông đời Lý, lời bàn của Sử gia Lê Văn Hưu *"Lý gia sùng Phật luận"* trong *Đại Việt sử ký*, văn bia của Trương Hán Siêu *"Khai Nghiêm tự bi ký"* và *"Dục Thúy sơn Linh Tế*

tháp ký”, của Lê Quát *“Thiệu Phúc tự bi ký”* đã thể hiện [14]. Nửa cuối thế kỷ XIX ở Nam kỳ, thời cụ Đồ sống cũng vậy. Cụ đã chứng kiến cảnh xô bồ tệ nạn của Tăng đoàn trong chốn thiền môn, nên cụ đã viết ra để phê phán và cũng là nhằm chấn chỉnh Tăng đoàn cần nghiêm cẩn giữ gìn giới luật. Tôi tin chắc những lời phê phán này của cụ Đồ đã được các bậc chân tu cao tăng thạc đức lúc bấy giờ hoàn toàn ủng hộ, bởi góp phần làm trong sạch cho Giáo hội như trên tôi có khẳng định. Việc này ít nhiều cũng đã góp phần vào công cuộc chấn hưng Phật giáo nước nhà diễn ra hồi những năm 20, 30 thế kỷ XX.

Quan điểm về Phật giáo trong tác phẩm *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*

Ngư tiều y thuật vấn đáp được cụ Đồ viết lúc gần cuối đời, trước khi cụ về với Tổ tiên. Tác phẩm dài 3642 câu [15]. Truyện thơ Nôm kể về hai nhân vật chính là Bào Tử Phược và Mộng Thê Triển, sau khi thất bại trong cuộc sống đã ẩn dật làm nghề chài lưới, nghề đốn củi, rồi được các bậc kỳ nhân truyền thụ y thuật để trị bệnh cứu đời.



(Ảnh: Internet)

Với các cụ nhà nho khi xưa, bên cạnh học tập thánh kinh hiền truyện, thì các vị còn học y, lý, số để phòng khi “tiến vi quan, thối vi sư”, đồng thời còn học tam giáo, cửu lưu nhằm mở rộng kiến văn, chứ không riêng gì kinh sách của Nho gia.

Ngư tiều y thuật vấn đáp chứa đựng kiến thức y học chuyên sâu về mạch, chế dược, vận khí, thương hàn, sản phụ, nhi khoa và đề cao đạo đức người thầy

thuốc, phê phán lối hành nghề tham lam, vô trách nhiệm. Về giá trị, tác phẩm đề cao y đức của người thầy thuốc, nhắc nhở thầy thuốc không hành nghề vì tiền bạc hay danh lợi mà phải lấy việc trị bệnh cứu người làm đầu, đồng thời phê phán răn đe những kẻ lang băm gây hại cho người bệnh. Tác phẩm đã cung cấp những kiến thức y học sâu sắc, giúp thầy thuốc nắm vững hơn về cách bốc thuốc và điều trị bệnh qua các phương thang. Bên cạnh, tác phẩm nhấn mạnh giá trị đạo đức của người thầy thuốc, nhắc nhở người hành nghề phải có lòng thương người, chữa bệnh không toan tính, không vụ lợi.

Bên cạnh thể hiện tri thức y học thì tác phẩm còn bộc lộ lòng yêu nước thương dân. Về tư tưởng, tác phẩm thể hiện ba hệ tư tưởng của phương Đông. Riêng cái nhìn về Phật giáo của tác giả trong tác phẩm, đó là cái nhìn dung hòa, dung hợp trên cơ sở quan niệm "tam giáo đồng nguyên", "Tam giáo nhất gia", "Tam giáo nhất thể". Đây cũng là quan niệm chung của các bậc thức giả Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ II trở về sau. Có quan niệm dung hợp này là bắt nguồn từ tư duy tổng hợp và triết học chủ toàn, nhất nguyên nhất thể của con người phương Đông từ thời cổ đại đến trung cận đại.

Mở đầu tác phẩm, cụ Đồ viết: "*Ngày nhàn xem truyện "Tam công" / Thương người hiền sĩ sinh không gặp đời / Cuộc cờ thúc quí đua bơi / Mấy thu vật đổi sao dời, thương ôi! / Kể từ Thạch Tấn ở ngôi / U Yên mấy quận cắt bồi Khiết Đan / Sinh dân nào xiết bùn than / U Yên trọn, cũng giao bàn về Liêu / Theo trong người kiệt rất nhiều / Ôm tài giấu tiếng làm tiều, làm ngư / Nước non theo thú ẩn cư / Thờ trên nuôi dưới, nên hư mặc trời / Lại thêm Phật, Lão đua lời / Nghĩ lòng người với đạo đời thêm thương! / Nhà năm ba gánh cương thường / Phận ai nấy giữ, trọn giường thời thôi / Đời vương đời đế xa rồi / Nay Di mai Hạ biết hồi nào an! / Năm trăm vận ở sông Vàng / Nước còn đương cáu, không màng thánh nhân / Đã cam hai chữ "tỵ Tần" / Nguồn Đào tìm dấu, non xuân ruổi miền / Có tên rằng Mộng Thê Triền / Tuổi gần bốn chục, nhân duyên năm lần / Nhà nghèo ở núi Bạch Vân / Dẹp văn theo võ, tách thân làm tiều / Ngày ngày đốn củi rừng Nghiêu / Hái rau non Thuấn, phận nhiều lao đao / Đông Xuyên lại có người hào / Tên rằng Tử Phược họ Bào, làm ngư / Trong mình ba chục tuổi dư / Sinh con mười đứa bé thơ thêm nghèo / Ngược xuôi trên nước một chèo / Nay doi mai vịnh, nghề theo lưới chài / Họ Bào họ Mộng hòa hai / Trước theo nghề học đều tài bậc trung / Chẳng may gặp buổi đạo cùng / Treo kinh dẹp sử, lánh vòng loạn ly / Người nam kẻ bắc phân đi / Non sông rẽ bạn cố tri bấy chầy / Cách nhau mười mấy năm nay / Tình cờ lại đặng một ngày gặp đây / Ngư, Tiều mở tiệc vui vầy / Ngâm thi, uống rượu, đều bày chí xưa* [16].

Và: *Tiều rằng: sinh chẳng gặp thời / Thân đà đến ấy, nghĩ thôi thêm phiền / Lênh chênh chữ phận, chữ duyên / Lỡ Tiên, lỡ Phật, lỡ nguyền nho phong*. (...)

Tiều rằng: Hỏi việc bất bình, / Xưa nay nhiều kẻ làm lành làm duyên. / Những người cùng Phật, cùng Tiên, / Cất chùa, cất miễu, bạc tiền đua nhau. / Những người đắp sửa đường cầu, / Làm chay hát bội, của giàu thí ra, / Ta nghe làm phúc nhiều nhà, / Có sao mắc họa lại ra bần xừ? / Môn rằng: Đời lắm danh hư, / So câu "tích thiện hữu dư" sao nhằm? Cho hay Tiên, Phật rằng tu, / Cũng trong bảo dưỡng đương đầu trổ ra. (...) *Ngư rằng: Thời vậy nài sao. / Dù Tiên, dù Phật, bề nào cũng xong. / Nay ta còn chỗ nghi lòng, / Nghề y, nghề bốc, khác dòng nhau xa. / Cờ sao ba tượng trong tòa, / Tiên thiên đồ ấy treo ra làm gì?*[17]

Trong tác phẩm, tác giả còn lên án các lang băm bốc thuốc hại người, các đạo sĩ và tu sĩ làm phép thuật, bùa chú để lừa dối người, do vậy, theo luật nhân quả báo ứng, những người này đã bị trừng trị thích đáng.

Lý giải sự chuyển hướng về quan điểm của cụ Đồ đối với Phật giáo

Qua nội dung ba tác phẩm, có thể thấy rõ ràng là quan điểm của cụ Đồ về Phật giáo có sự chuyển hướng. Ban đầu, nếu ở truyện thơ *Lục Vân Tiên*, tác giả nhìn Phật giáo theo quan điểm của dân gian, của quảng đại quần chúng nhân dân. Cái nhìn về Phật giáo ở đây rất gần gũi, có nét tương đồng của nhân dân được thể hiện trong văn hoá dân gian với quan niệm “ở hiền gặp lành”, “gieo gió gặt bão”, “hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân”, mà quan niệm này lại gặp gỡ tư tưởng “nghiệp báo”, “nhân quả” của nhà Phật. Cho nên những người lương thiện, chính trực, chung thuỷ, hiếu thảo như Vân Tiên, Nguyệt Nga, Hớn Minh, Tử trực, Tiểu đồng... cũng đều thoát được bao nhiêu tai nạn; còn những người bất lương, tâm địa hiểm ác, tráo trở như gia đình Võ Thể Loan, Bùi Kiệm, Trịnh Hâm,... cuối cùng phải nhận lấy quả báo bởi những nghiệp ác mà họ đã tạo ra.

Sang tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*, tác giả đã đứng trên lập trường dân tộc của một nhà Nho để bài xích, công kích đạo Gia tô, nhân tiện bài xích Phật giáo, bởi cho rằng cả hai đạo này là dị đoan, ngoại nhập, nhưng xét đến cùng, tác giả không bài xích giáo lý tư tưởng Phật giáo, mà chỉ phê phán sư sãi không gìn giữ giới luật nhà Phật, làm những điều xằng bậy trong chốn Thiền môn. Điều này người đọc cũng đã thấy trong các văn bản của phong trào bài Phật trong văn học đời Trần, lúc Phật giáo còn thịnh đạt. Và chắc chắn rằng những cảnh báo của cụ Đồ đã được các bậc chân tu chấp nhận, góp phần làm thức tỉnh tăng đoàn, và góp phần giúp cho giáo hội Phật giáo chấn chỉnh kỷ cương, đây cũng là cơ sở tạo nên phong trào chấn hưng Phật giáo hồi đầu thế kỷ XX mà Nam kỳ là nơi xuất phát đầu tiên.

Cũng cần lưu ý rằng, từ lúc Pháp xâm lược Sài Gòn, cụ đưa gia đình về lánh nạn ở Cần Giuộc là quê vợ, buổi đầu gia đình cụ tá túc tại chùa Tôn Thạnh, mà sư cụ trụ trì chùa là chỗ thân tình quen biết với cụ thân sinh Nguyễn Đình Huy. Tại đây, cụ Đồ đã dạy học, bốc thuốc cứu người, và viết bài *Văn tế nghĩa dân Cần Giuộc* nổi tiếng. Và có thể những năm tháng tá túc tại chùa, cụ đã nghiền ngẫm, chiêm nghiệm về giáo lý Phật Đà về cuộc đời. Cho nên nói cụ Đồ chống đối, bài xích, phê phán Phật giáo là nói oan cho cụ, dù trong thơ, cụ đã có lời phê phán những tệ nạn của một số người khoác áo nhà sư nhưng không nghiêm cẩn giữ giới, làm ảnh hưởng chốn Thiền môn và giáo hội.

Đến tác phẩm *Ngư tiều y thuật vấn đáp* (*Ngư tiều vấn đáp nho y diễn ca*) là tác phẩm viết sau cùng, quan điểm về Phật giáo của tác giả có phần rộng mở hơn, đó là quan điểm dung hợp, dung hoà với quan niệm Tam giáo đồng nguyên, Tam giáo nhất gia, Tam giáo nhất thể. Đây cũng là quan niệm chung của các danh sĩ trí thức Việt Nam từ thời Lý - Trần trở về sau.

Tóm lại, trong thế kỷ XIX, Phật giáo và Nho giáo cùng tồn tại và ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của người Việt. Trên tinh thần dân tộc, Nguyễn Đình Chiểu đã tiếp thu và phát triển các giá trị đạo đức trong Nho giáo, đồng thời thể hiện sự tôn trọng đối với Phật giáo trong các tác phẩm của mình. Ở đây, cụ Đồ không hề bài xích hay phê phán giáo lý tư tưởng Phật giáo như trước đây có vài nhà nghiên cứu đã nói, mà trái lại, cụ đã có thái độ tôn kính và xem Phật giáo là một phần quan trọng trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam. Tác phẩm *Lục Vân Tiên*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* của cụ ca ngợi những giá trị đạo đức tốt đẹp, đồng thời chứa đựng những yếu tố Nho và Phật - Đạo, cho thấy sự giao thoa và dung hòa giữa ba hệ tư tưởng này trong tác phẩm. Cụ Đồ đã dung hòa các giá trị của Nho giáo và Phật giáo, Đạo giáo để tạo nên một nền văn học dân tộc, phản ánh tinh thần yêu nước và lòng nhân ái của nhân dân. Cụ đã hướng đến việc phát huy những giá trị đạo đức tốt đẹp trong xã hội và trong lòng con người, thể hiện tinh thần yêu nước và trí thức yêu nước của mình qua các tác phẩm văn chương.

Xét đến cùng cụ Đồ Chiểu trước sau vẫn là một nhà Nho chân chính, mang cốt cách Việt Nho, thấm đẫm tinh thần dân tộc.

Tác giả: **PGs Ts Nguyễn Công Lý -** *Trường Đại học Kinh tế Tài chính Tp.HCM*

Nguyên GVCC Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG TP.HCM

Tài liệu tham khảo:

1] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980.

2] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 2. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980.

3] Nhiều tác giả. *Nguyễn Đình Chiểu tấm gương lao động và sáng tạo nghệ thuật.* NXB KHXH. Hà Nội. 1980.

Chú thích:

[1] Xin xem:

- Nguyễn Văn Nghệ. Nhắc lại chuyện cụ Nguyễn Đình Chiểu bài xích Phật giáo. Nghiên cứu lịch sử. https://nghiencuulichsu.com 2019/12/02.

- Phạm Huy Thông. Quan niệm về các tôn giáo của nhà nho yêu nước Nguyễn Đình Chiểu. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam. Ubdkcgvn.org.vn Cập nhật lúc 11:48 01/07/2022.

- Tiếng dân News 30/11/2019.

- ...

[2] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980. Tr. 153 (câu 1517-1520).

[3] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980. Tr. 153 (câu 1523-1528).

[4] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980. Tr. 158 (câu 1641-1644).

[5] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980. Tr. 159 (câu 1649-1670).

[6] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980. Tr. 165-168 (câu 1807-870).

[7] Theo nhà giáo Nguyễn Văn Nghĩa, báo Việt Nam Sài Gòn ngày 14/11/1936.

[8] Có bản chép tác phẩm dài 3460.

[9] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980. Tr 358 (câu 2231-2240).

[10] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980.

[11] Câu thơ: "*Ta nghe Phật ở Tây phương/ Vốn người mọi rợ luân thường chẳng ưa*" có vài dị bản: "*Ta nghe Phật ở Tây phương/ Vốn người kẻ chợ, luân thường chẳng ưa"* hoặc *"Vả xưa Phật ở Tây phương/ Sống không biết lẽ cang thường là chi*".

[12] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980.

[13] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980.

[14] Xem thêm: Nguyễn Công Lý. *Văn học Việt Nam thời Lý - Trần*. Mục: Văn phê bình, Phong trào bài Phật. NXB ĐHQG TP.HCM. 2018, tr. 293-206.

[15] Có bản chép dài 3644 câu.

[16] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980.

[17] *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*. Tập 1. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên khảo và chú giải. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội. 1980.